CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Clever Group

Ngày 31/12/2025	8,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.0%	**-9.4%**	**-9.4%**

DT thuần
Q4/25
184
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 67.0| 57.0%
YoY: ▲ 31.0| 20.0%

LN thuần
Q4/25
29.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 28.2| 2678%
YoY: ▲ 10.6| 56.8%

LN sau thuế
Q4/25
22.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 21.9| 3085%
YoY: ▲ 6.80| 43.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
6.8%
YoY: +/-▲ 0.6%

ROE
2025
5.1%
YoY: +/-▲ 0.3%

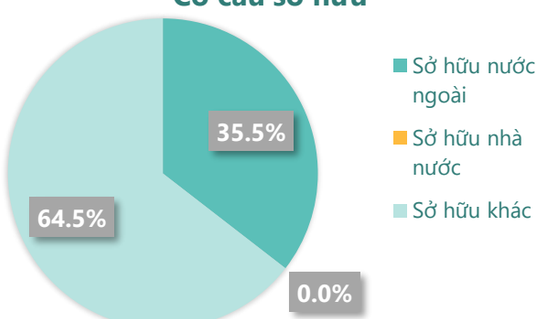
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,520 - 11,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	184
Số lượng CPLH (CP)	21,380,521
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,485
Sở hữu nước ngoài	35.5%
Beta	0.18
EPS	964
P/E	8.9

DT thuần
2025
499
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 35.0| 7.5%

LN thuần
2025
32.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.90| 13.6%

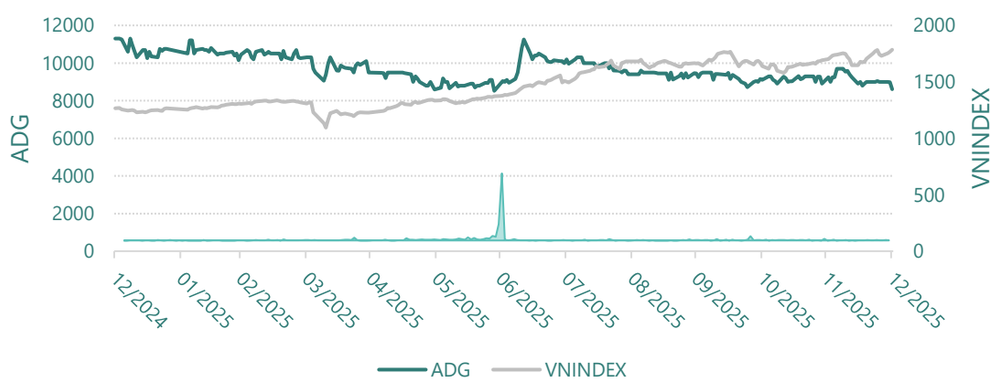
LN sau thuế
2025
23.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.90| 13.5%

Cơ cấu sở hữu

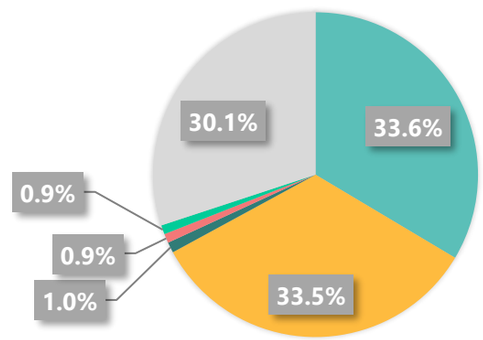


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



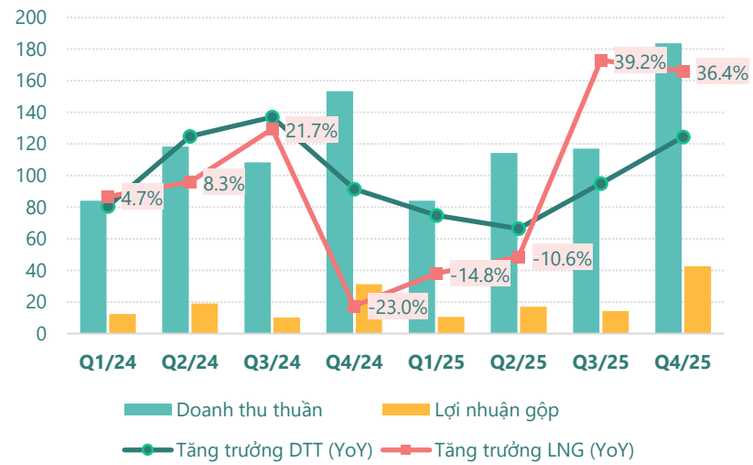
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

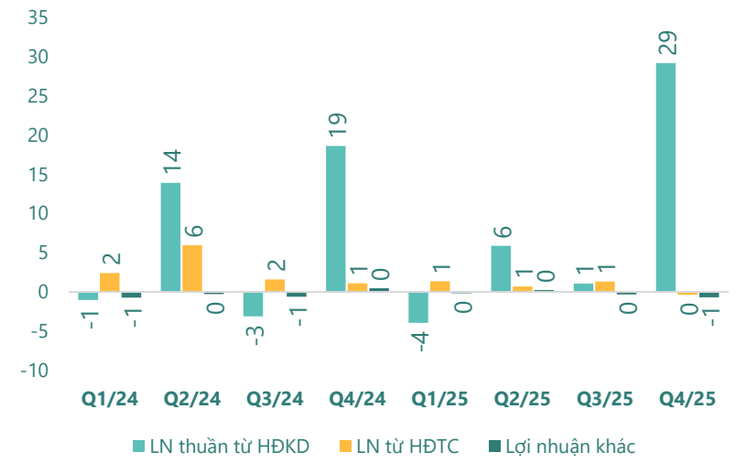
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



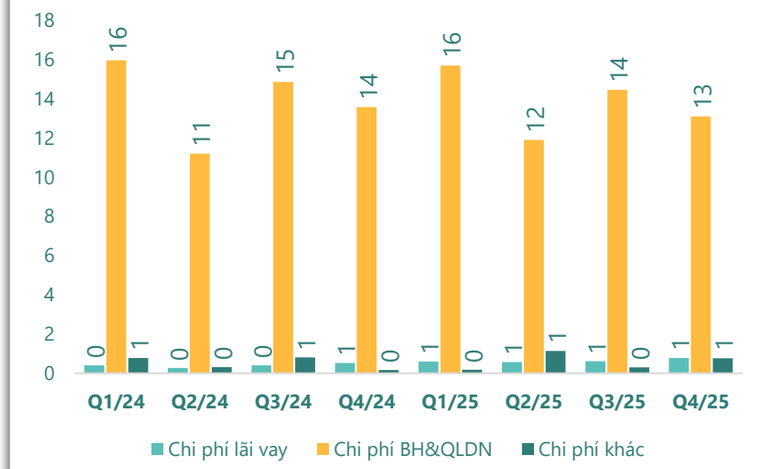
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



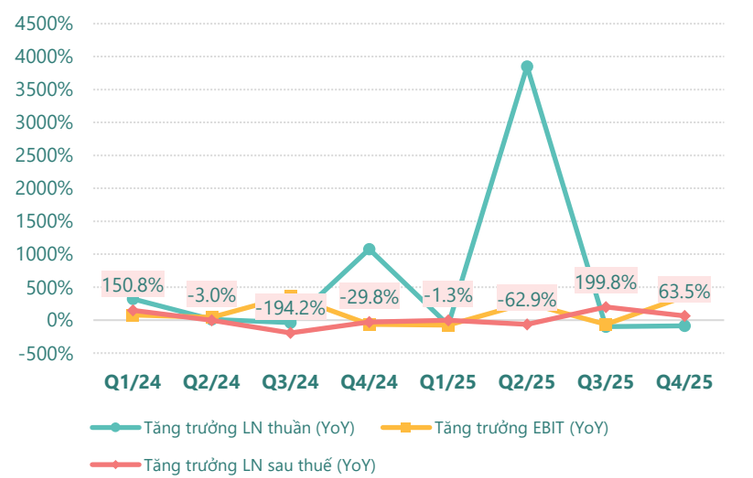
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



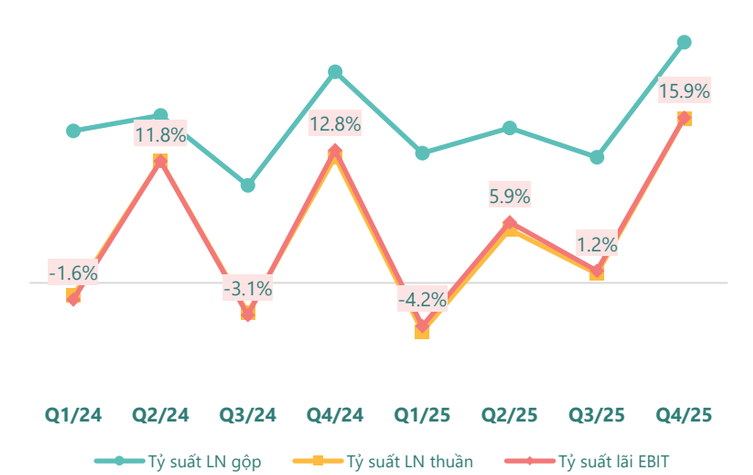
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



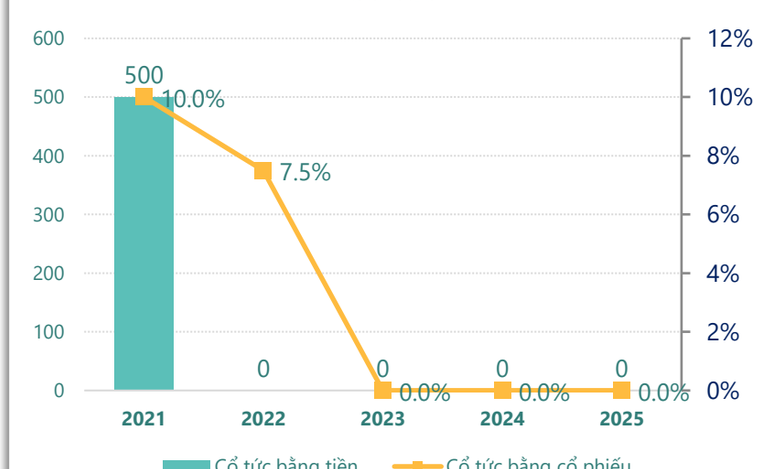
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

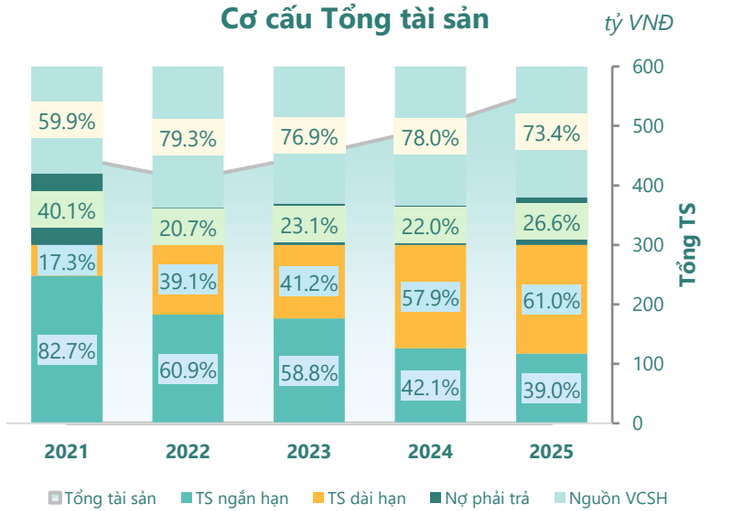
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

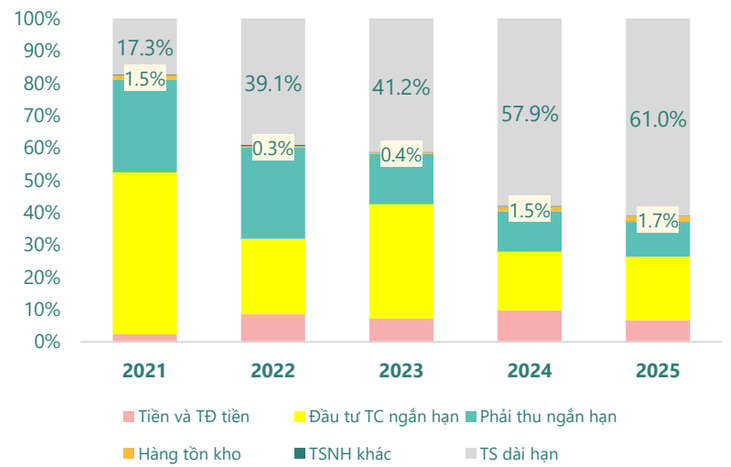
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



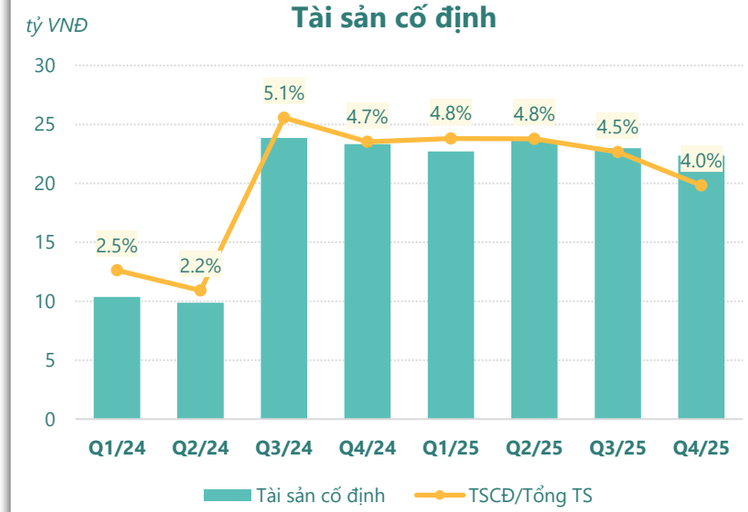
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



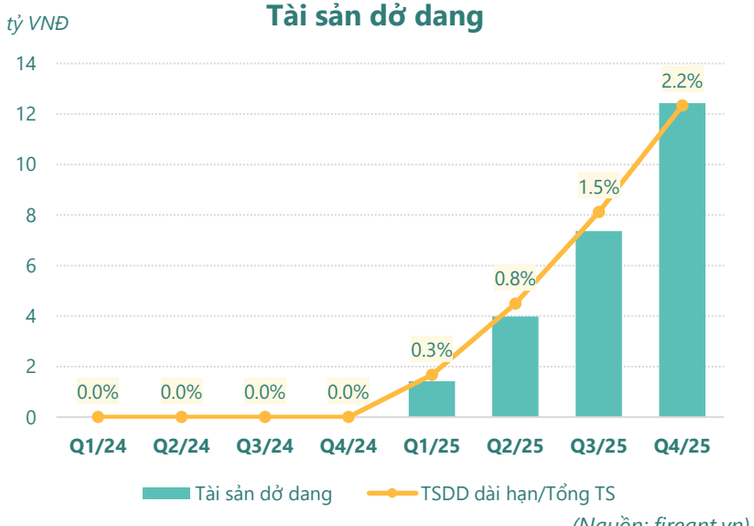
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



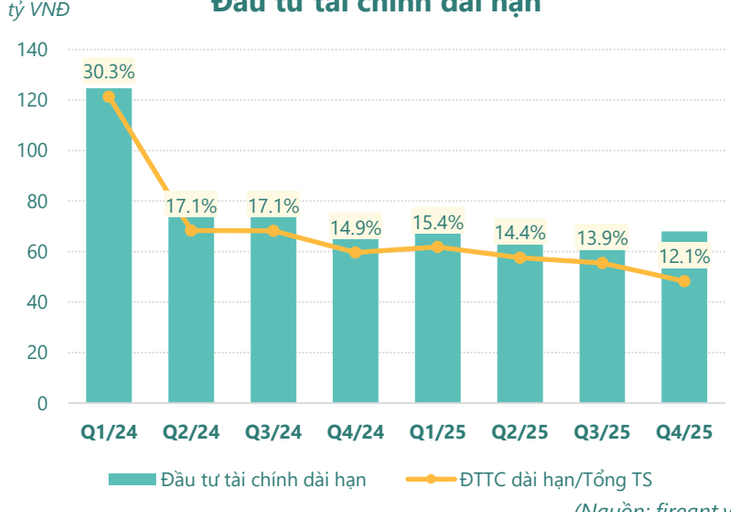
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



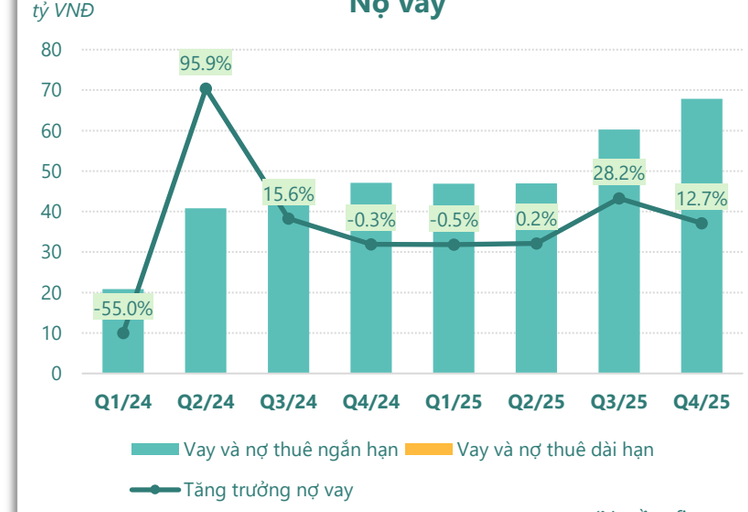
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

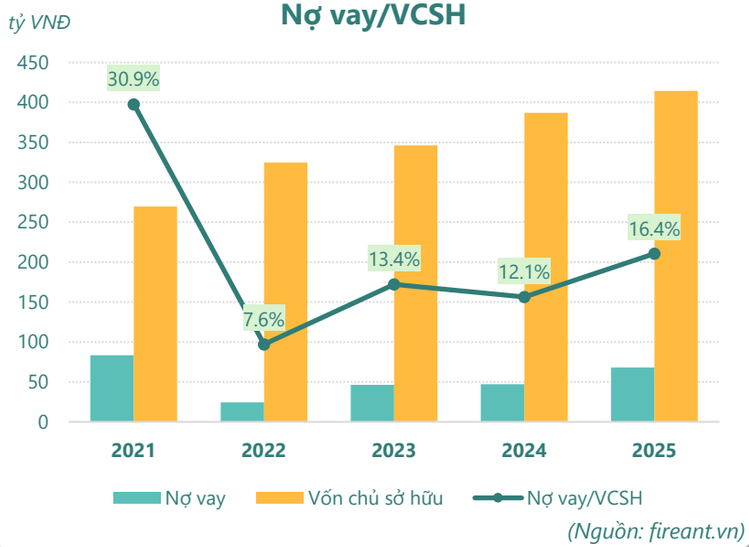
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

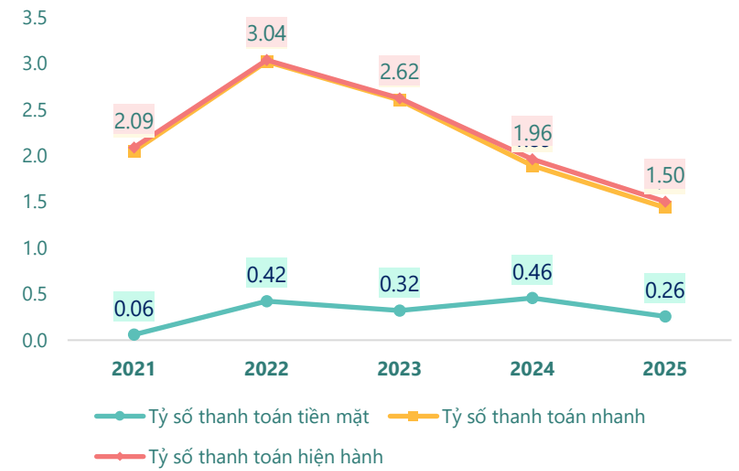
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



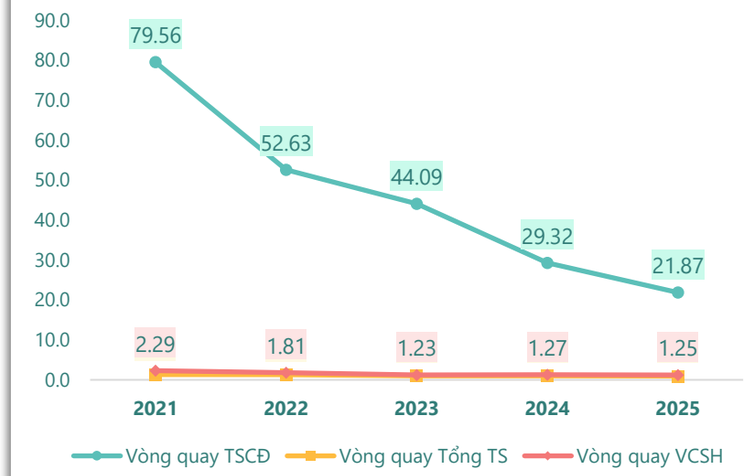
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



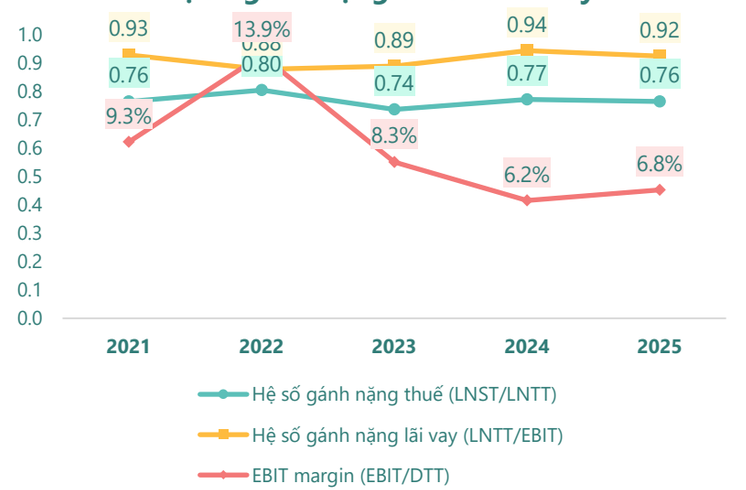
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



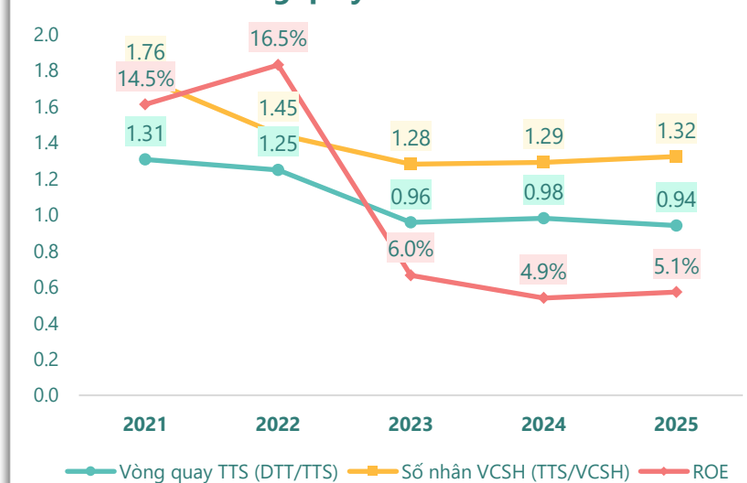
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



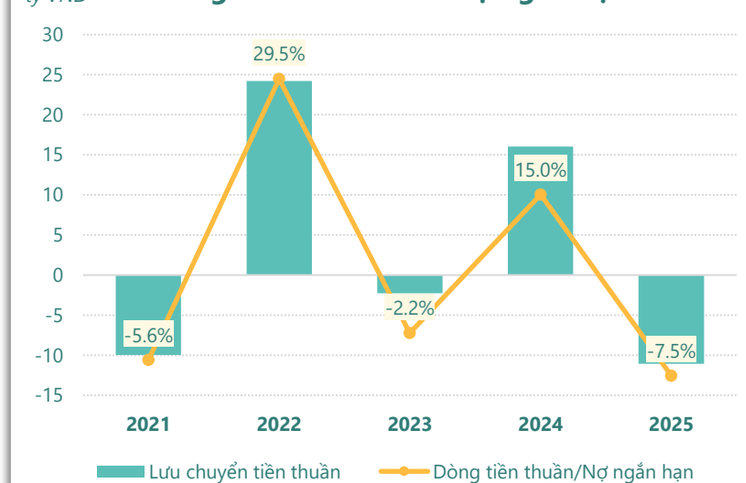
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**184**	**153**	**20.0%**	**499**	**464**	**7.5%**
Giá vốn hàng bán	141	122	15.6%	415	392	5.9%
Lợi nhuận gộp	42.6	31.2	36.6%	84.4	72.6	16.3%
Doanh thu HĐTC	1.59	2.26	-29.7%	8.49	13.6	-37.7%
Chi phí TC	1.96	1.14	71.8%	5.48	2.61	110%
Chi phí lãi vay	0.79	0.52	51.2%	2.57	1.64	56.4%
LN trong công ty LKLD	**0.03**	**-0.14**	**121%**	**-0.04**	**0.14**	**-131%**
Chi phí bán hàng	7.08	6.28	12.8%	27.7	28.1	-1.4%
Chi phí QLDN	**6.02**	**7.31**	**-17.6%**	**27.5**	**27.3**	**0.6%**
LN thuần từ HĐKD	29.2	18.6	56.8%	32.2	28.3	13.6%
Lợi nhuận khác	**-0.68**	**0.48**	**-241%**	**-0.90**	**-1.05**	**13.4%**
LN trước thuế	28.5	19.1	49.2%	31.3	27.3	14.7%
Lợi nhuận sau thuế	**22.6**	**15.8**	**43.1%**	**23.9**	**21.0**	**13.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**20.5**	**14.9**	**37.9%**	**20.6**	**17.8**	**15.9%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-6.90	17.3	-24.0	13.4	4.66	26.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-5.97	-4.39	7.50	-16.3	-12.1	-41.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	6.38	7.17	-0.17	-0.23	13.3	17.6
Tiền đầu kỳ	35.1	28.5	48.6	32.0	28.8	34.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-6.49**	**20.1**	**-16.7**	**-3.18**	**5.81**	**2.99**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.05	0.03	0.09	-0.05	-0.01	0.01
Tiền cuối kỳ	28.5	48.7	32.0	28.8	34.6	37.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**564**	**496**	**13.6%**
Tài sản ngắn hạn	220	209	5.4%
Tiền và tương đương tiền	37.6	48.6	-22.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	111	89.7	23.6%
Phải thu ngắn hạn	60.9	62.1	-1.9%
Hàng tồn kho	9.53	7.33	30.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.32	1.18	11.9%
Tài sản dài hạn	**344**	**288**	**19.6%**
Phải thu dài hạn	2.02	0.34	489%
Tài sản cố định	22.4	23.3	-3.9%
Bất động sản đầu tư	239	160	49.4%
Tài sản dở dang	12.4	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	68.0	103	-34.2%
Tài sản dài hạn khác	**0.51**	**0.93**	**-45.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	150	109	36.9%
Nợ ngắn hạn	**147**	**106**	**37.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	67.9	47.0	44.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	44.8	29.8	50.2%
Nợ dài hạn	3.26	2.90	12.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**414**	**387**	**7.0%**
Vốn chủ sở hữu	**414**	**387**	**7.0%**
Vốn điều lệ	214	214	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)